



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Y DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **DƯỢC HỌC**

Mã số: **7720201**

Lần ban hành:

Ngày ban hành:

Số trang:

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP Tiếng Anh: GRADUATION PRACTICE							
- Mã số học phần: GPR1171							
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Khoa học Sức khỏe (Khối ngành VI)							
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <table><tr><td>☐ Kiến thức đại cương/chung</td><td>☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung</td></tr><tr><td>☐ Kiến thức cơ sở ngành</td><td>☐ Học phần dạy học dự án</td></tr><tr><td>☒ Kiến thức ngành</td><td>☐ Kiến thức khác</td></tr></table>		☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☐ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án	☒ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung						
☐ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án						
☒ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác						
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn							
- Số tín chỉ: 04 (0/4) <table><tr><td>+ Số tiết lý thuyết</td><td>: 00 tiết</td></tr><tr><td>+ Số tiết thực hành/thảo luận</td><td>: 180 tiết</td></tr><tr><td>+ Số tiết tự học</td><td>: 180 tiết</td></tr></table>		+ Số tiết lý thuyết	: 00 tiết	+ Số tiết thực hành/thảo luận	: 180 tiết	+ Số tiết tự học	: 180 tiết
+ Số tiết lý thuyết	: 00 tiết						
+ Số tiết thực hành/thảo luận	: 180 tiết						
+ Số tiết tự học	: 180 tiết						

- Điều kiện tham gia học phần: Học phần tiên quyết: Không Mã số HP Học phần học trước: (ghi tên HP nếu có) Mã số HP: (ghi MSHP) Học phần song hành: (ghi tên HP nếu có) Mã số HP: (ghi MSHP)
- Yêu cầu của học phần (giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu) Thời gian người học có mặt tại cơ sở thực hành: 100%. Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, ... Tham gia đầy đủ các bài thực hành. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Y Dược

1.2. Các giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Phùng Thị Hương Giang
- Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Trần Hải Ứng

2. Mô tả học phần

Học phần **Thực tập tốt nghiệp** giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Dược, nhằm giúp sinh viên củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng thực tiễn và tích lũy kinh nghiệm trong hoạt động hành nghề Dược.

Học phần cung cấp cơ hội để sinh viên tiếp cận thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh dược phẩm, bệnh viện, viện kiểm nghiệm và các đơn vị nghiên cứu.

Hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ của ngành Dược trong các lĩnh vực như sản xuất, kinh doanh, quản lý và cung ứng thuốc phục vụ sức khỏe nhân dân. Tăng cường kỹ năng chuyên môn, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức trong môi trường thực tiễn.

Nội dung học phần bao gồm thực hành tại các cơ sở ngoài trường, không có phần lý thuyết giảng dạy tại lớp. Sinh viên được trải nghiệm trực tiếp các hoạt động của ngành, từ sản xuất và phân phối thuốc, bảo quản, kiểm nghiệm, đến quản lý tại bệnh viện, nhà thuốc, và công ty dược phẩm.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
CO ₁	Trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động hành nghề Dược. Giúp người học tiếp cận và hiểu rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của ngành Dược trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, quản lý và cung ứng thuốc phục vụ sức khỏe nhân dân.	PLO ₅	3/6
CO ₂	Rèn luyện cho người học các kỹ năng thực hành trong môi trường làm việc, sản xuất thực tiễn. Rèn luyện tác phong chuyên nghiệp, tính tập thể, tính kỷ luật trong môi trường sản xuất thực tế.	PLO ₈ , PLO ₉ , PLO ₁₀	3/5
CO ₃	Giáo dục, rèn luyện cho người học về tầm quan trọng của thực tập nghề nghiệp, có ý thức học tập nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, chấp hành đúng các quy định, có thái độ khiêm tốn học hỏi, cầu tiến góp phần trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.	PLO ₁₁ , PLO ₁₂	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần THỰC TẬP TỐT NGHIỆP đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP THỰC TẬP TỐT NGHIỆP			CLOs HP THỰC TẬP TỐT NGHIỆP				
Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Trọng số (%) **	Chương HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PLO ₅ [1.2.3]	Vận dụng được các văn bản pháp quy về định hướng chuyên ngành Dược, các kiến thức ngành và chuyên ngành để tham gia, thiết	3/6	CLO ₁ [1.2.3.1]	Áp dụng đúng các quy định và tiêu chuẩn thực hành tốt trong quản lý, cung ứng, sản xuất và kiểm tra chất lượng thuốc tại các cơ sở thực tập.	3/6		Chương 1,2,3

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP THỰC TẬP TỐT NGHIỆP			CLOs HP THỰC TẬP TỐT NGHIỆP				
	kế, giải quyết, nghiên cứu, đưa ra giải pháp trong lĩnh vực hoạt động cung ứng thuốc		CLO ₂ [1.2.3.2]	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến sản xuất, bảo quản, đảm bảo chất lượng, cung ứng và sử dụng thuốc.	3/6		Chương 1,2,3
PLO ₁₀ [2.2.3]	Có kỹ năng thực hiện các hoạt động liên quan khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, quản lý, quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực phát triển cây thuốc, phát triển dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và trang thiết bị, dụng cụ y tế.	3/5	CLO ₃ [2.2.3.1]	Tư vấn sử dụng thuốc và thực phẩm chức năng hiệu quả, phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe của bệnh nhân.	3/5		Chương 1,2,3
		3/5	CLO ₄ [2.2.3.2]	Thực hiện các hoạt động khởi nghiệp, thành lập và vận hành các cơ sở kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu phòng và điều trị bệnh.	3/5		Chương 1,2,3
PLO ₁₁ [3.1.1]	Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Có khả năng tự học tập và phát triển chuyên môn cao hơn.	4/5	CLO ₅ [3.1.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công tác thực tập, phù hợp với các quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.	4/5		Chương 1,2,3
PLO ₁₂ [3.2.1]	Tôn trọng, hợp tác với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp và đối tác; Có ý thức trách nhiệm với xã hội và môi trường.	4/5	CLO ₆ [3.2.1.1]	Tôn trọng, hợp tác với đồng nghiệp và bệnh nhân; có trách nhiệm với xã hội và môi trường trong hoạt động nghề nghiệp.	4/5		Chương 1,2,3

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các chương cho việc đạt các CLOs HP THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (*)

CLO	Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp		NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.3.1] – 3/6	CLO2 [1.2.3.1] – 3/5	CLO3 [2.2.3.1] – 3/5	CLO4 [2.2.3.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1.1] – 4/5
Chương 1	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 2	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 3	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần

Bảng 4. Đánh giá học phần

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần (LT, TH)	CLO5	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
Thái độ học tập (LT, TH)	CLO5	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	
	CLO6	45	5		
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
Bài kiểm tra	CLO1	3/6	8	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	Chương 1,2,3
	CLO2	3/6	8		
	CLO3	4/5	7		
	CLO4	4/5	7		
A2. Đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần)			50		
Thi kết thúc học phần	CLO1	3/6	12,5	Thuyết trình/Báo cáo	

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
	CLO2	3/6	12,5		Khi kết thúc học tại cơ sở
	CLO3	4/5	12,5		
	CLO4	4/5	12,5		

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLO Bài ĐG	1.2. Kiến thức ngành		2.2. Kỹ năng nghề nghiệp		3.1. NL tự chủ	3.2. Tự chịu TN
	CLO1 [1.2.3.1] – 3/6	CLO2 [1.2.3.2] – 3/6	CLO3 [2.2.3.1] – 3/5	CLO4 [2.2.3.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1.1] – 4/5
A1.1 (20%)					x	x
A1.2 (30%)	x	x	x	x		
A2 (50%)	x	x	x	x		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1: Thực hành tại Khoa dược bệnh viện, Nhà thuốc	90	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, kèm cặp	Nghe giảng. Thực nghiệm, viết báo cáo	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
2	Chương 2: Thực hành tại các Công ty, xí nghiệp sản xuất dược phẩm	45	CLO _{1,2,4,5,6}	Thuyết trình, kèm cặp	Nghe giảng. Thực nghiệm, viết báo cáo	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
3	Chương 3: Thực hành tại các Viện nghiên cứu, viện Kiểm nghiệm thuốc	45	CLO _{1,2,5,6}	Thuyết trình, kèm cặp	Nghe giảng. Thực nghiệm, viết báo cáo	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
	Tổng	180				

7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Công ty dược, bệnh viện,	- Máy móc, trang thiết bị, ...hiện có của công ty dược, bệnh viện		

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

- Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần <50%	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric đánh giá kiểm tra/thi bằng hình thức tự luận

Đánh giá kiểm tra: Theo thang điểm 10 ; theo kết quả điểm tại cơ sở thực tập kiểm tra đánh giá

10. Thi kết thúc học phần (50%)

Hình thức: Nộp báo cáo thực hành và thuyết trình báo cáo kết quả thực tập

Trưởng khoa

(Đã ký)

GS.TSKH Phùng Khắc Cam

Giảng viên

(Đã ký)

Ths. Phùng Thị Hương Giang